

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HNGĐ

Ngày: 14-6-2022

V/v: Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Mai Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần
Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh
Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2021/TLST-
HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “ Tranh chấp thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
43/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Quốc B - Sinh năm: 1995 – Có mặt

Địa chỉ: thôn Trường Sanh, xã P1, huyện Ninh, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kiều Y - Sinh năm: 1996 – Có mặt

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06-12-2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông
Nguyễn Quốc B trình bày:* ông và bà Nguyễn Thị Kiều Y đã ly hôn vào năm
2019, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự số 162/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện N. Theo quyết của Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kiều Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 25-11-2017. Sau hơn hai năm ly hôn, ông thấy bà Y không còn đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 25-11-2017, ông không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con vì những lý do sau:

Thứ nhất: bà Y hiện tại đã có chồng mới và có với chồng một người con chung; Bản thân bà Y không có việc làm ổn định, chồng mới của bà Y cũng đã ly hôn và phải chu cấp tiền nuôi con hàng tháng nên không đủ điều kiện để chăm sóc cháu A một cách tốt nhất;

Thứ hai: trong thời gian giao con cho bà Y nuôi dưỡng, mỗi lần thăm nom bị bà Y và gia đình chồng bà Y ngăn cản không cho thăm nom con chung;

Thứ 3: Cán bộ Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông và bà Y nay lại trở thành chồng của bà Y nên con ông ở với bà Y không phát triển về đạo đức.

** Bị đơn trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B vì những lý do sau: từ khi ly hôn năm 2019 cho đến nay, một mình bà chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không có sự chu cấp của ông B nhưng việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung vẫn đảm B sự phát triển tốt nhất cho con chung. Hiện tại bà vẫn đi làm, có đủ thu nhập, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm B đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật Hôn

nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B, buộc ông B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” được quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Quốc B yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thấy:

[2.1]. Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định căn cứ thay đổi người trực tiếp nuôi con gồm: Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Tại phiên tòa ông B và bà Y không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.2]. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định từ khi ký hôn, cháu Nguyễn Quốc A do bà Nguyễn Thị Kiều Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

[2.3]. Ông Nguyễn Quốc B cho rằng bà Y đã có chồng mới nên không còn đủ điều kiện để chăm sóc con chung là không có cơ sở bởi lẽ:

Về điều kiện ăn, ở, sinh hoạt: bà Nguyễn Thị Kiều Y hiện tại đã có chồng mới và cùng với cháu A về sinh sống tại nhà chồng ở khu phố x, thị trấn P, huyện N. Cháu được chăm sóc tốt, có chỗ ở ổn định, xác minh tại chính quyền

địa phương gia đình chồng bà Y là gia đình văn hóa, chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương;

Về điều kiện học tập: Cháu A hiện đang học tập tại trường Mầm non A, theo xác nhận của cô giáo chủ nhiệm lớp cháu A đang theo học: “Cháu Nguyễn Quốc A hiện tại đang học tập tại Trường Mầm non A, cháu luôn vui vẻ mỗi khi đến lớp, không có biểu hiện bị thương tích hay bị bạo hành; chiều cao, cân nặng của cháu đạt chuẩn theo quy định; bà Nguyễn Thị Kiều Y (mẹ cháu A) thực hiện việc đưa, đón cháu đúng giờ; các khoản nghĩa vụ phải nộp cho nhà trường được bà Y thực hiện đầy đủ”. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định điều kiện ăn học của cháu được bà Y đảm B đầy đủ.

[2.4]. Ông Nguyễn Quốc B cho rằng bà Y và gia đình chồng bà Y ngăn cản việc ông thăm nom con nên ông yêu cầu phải thay đổi người nuôi con là không có căn cứ bởi lẽ:

Việc thăm nom con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình và đã được Tòa án ghi nhận trong Quyết định số 162/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã có hiệu lực pháp luật. Trường hợp nếu có căn cứ cho rằng bà Y và gia đình chồng của bà Y ngăn cản việc ông B thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom con, ông B có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo thủ tục Thi hành án dân sự.

[2.5]. Ông B cho rằng chồng bà Y là cán bộ Tòa án đã giải quyết ly hôn giữa ông B và Y nên con ông ở với bà Y là không đảm bảo phát triển về đạo đức là không có căn cứ để Tòa án xem xét bởi lẽ: đây là chuyện cá nhân của bà Y, không phải căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.6]. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông B xác nhận đang làm việc tại tỉnh Đồng Nai và chưa có nhà ở riêng nên việc giao con cho ông B không đảm B sự phát triển tốt nhất cho con.

[2.7]. Từ sự những sự phân tích trên có đủ căn cứ xác định việc ông Nguyễn Quốc B yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Nguyễn Quốc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” của ông Nguyễn Quốc B.

Về án phí: ông Nguyễn Quốc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002164 ngày 28-12-2021, ông Nguyễn Quốc B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-6-2022) .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

[2.1]. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 162/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện N xác định quyết định, công nhận sự thỏa thuận về con chung như sau: “Bà Nguyễn Thị Kiều Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 25-11-2017; ông Nguyễn Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Kiều Y không có yêu cầu; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.